

PMFY-P VBM-E



Gắn trần

Lắp đặt cassette loại 1 hướng thổi trong phòng tạo cảm giác rộng rãi hơn giúp tăng sự thoải mái trong căn phòng. Vị trí lắp đặt trên cao này cũng là một giải pháp tuyệt vời khi thiết bị chiếu sáng được lắp đặt ở trung tâm của căn phòng và đồ đạc như kệ sách được gắn trên bề mặt tường.



Kích thước nhỏ gọn thuận tiện cho việc lắp đặt và bảo trì.

Kích thước thân máy 812mm được tiêu chuẩn hóa cho tất cả model thuận tiện cho việc lắp đặt. Khối lượng thân máy là 14kg và mặt nạ là 3kg, đây là một trong những dàn lạnh nhẹ nhất trong hệ thống điều hòa không khí.

Bơm nước ngưng

Đường ống nước ngưng có thể lắp đặt ở mọi vị trí có chênh lệch độ cao lên đến 600 mm (23-5/8 in.) tính từ bề mặt trần.



Linh kiện tùy chọn

Thiết bị	Model	Công suất dàn lạnh phù hợp
Mặt nạ	PMP-40BMW	P20, P25, P32, P40

Thông số kỹ thuật

Model			PMFY-P20VBM-E	PMFY-P25VBM-E	PMFY-P32VBM-E	PMFY-P40VBM-E
Nguồn điện			1-pha 220-240V 50Hz/1-pha 220V 60Hz			
Công suất lạnh		*1 kW	2.2	2.8	3.6	4.5
		*1 BTU/h	7,500	9,600	12,300	15,400
Công suất sưởi		*1 kW	2.5	3.2	4.0	5.0
		*1 BTU/h	8,500	10,900	13,600	17,100
Công suất điện	Làm lạnh	kW	0.042	0.044		0.054
	Sưởi ấm	kW	0.042	0.044		0.054
Cường độ dòng điện	Làm lạnh	A	0.20	0.21		0.26
	Sưởi ấm	A	0.20	0.21		0.26
Vỏ máy (Munsell No.)			Màu trắng (6.4Y 8.9/0.4)			
Kích thước H x W x D	Thân máy	mm (in.)	230 x 812 x 395 (9-1/16 x 32 x 15-9/16)			
	Mặt nạ	mm (in.)	30 x 1000 x 470 (1-3/16 x 39-3/8 x 18-9/16)			
Khối lượng	Thân máy	kg (lbs.)	14 (31)			
	Mặt nạ	kg (lbs.)	3 (7)			
Bộ trao đổi nhiệt			Dàn coil (ống đồng và cánh nhôm)			
Quạt	Loại x Số lượng		Quạt lồng sóc x 1			
	Lưu lượng gió (Thấp-TB2-TB1-Cao)	*2 m³/phút	6.5-7.2-8.0-8.7	7.3-8.0-8.6-9.3		7.7-8.7-9.7-10.7
		L/s	108-120-133-145	122-133-143-155		128-145-162-178
		cfm	230-254-283-307	258-283-304-328		272-307-343-378
	Áp suất tĩnh		Pa			
Motor quạt	Loại		Động cơ cảm ứng 1 pha			
	Công suất điện		kW			
Lưới lọc			Lọc PP cấu trúc dạng tổ ong (độ bền cao, dễ dàng vệ sinh)			
Đường kính ống môi chất lạnh	Hơi (Nối loe)	mm (in.)	ø12.7 (ø1/2)			
	Lỏng (Nối loe)	mm (in.)	ø6.35 (ø1/4)			
Đường kính ống nước ngưng		mm (in.)	O.D. 26 (1)			
Độ ồn (Thấp-TB2-TB1-Cao)		*2 *3 dB (A)	27-30-33-35	32-34-36-37		33-35-37-39

Lưu ý:

*1 Công suất lạnh/sưởi chỉ thị giá trị lớn nhất khi hoạt động trong các điều kiện sau.
Làm lạnh : Trong nhà 27°C(81°F)DB/19°C(66°F)WB, Ngoài trời 35°C(95°F)DB
Sưởi ấm : Trong nhà 20°C(68°F)DB, Ngoài trời 7°C(45°F)DB/6°C(43°F)WB
*2 Lưu lượng gió / Độ ồn có các mức (Thấp-TB-Cao) hoặc (Thấp-TB1-TB2-Cao).
*3 Các thông số được đo trong phòng cách âm.
* Do công nghệ không ngừng được cải tiến, các Thông số kỹ thuật trên và các ký tự dưới của tên model có thể thay đổi mà không thông báo trước